

Số: 296 /CBTT-VOSA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất và Riêng quý 2/2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

- Mã chứng khoán: VSA

- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM

- Điện thoại liên hệ: (028) 54161820 / 54161821 / 54161822

- Email: vosagroup@vosagroup.com

Website: www.vosa.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Hợp nhất và BCTC Riêng bán niên năm 2024 (đã soát xét).

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 16/08/2024 tại đường dẫn: <https://vosa.com.vn/co-dong/bao-cao-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/ tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

- Ngày hoàn thành giao dịch:



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện công bố thông tin

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Hợp nhất và BCTC Riêng
Bán niên năm 2024 (đã soát xét);



**TRẦN CÔNG
TOÀN**

Digitally signed by
TRẦN CÔNG TOÀN
Date: 2024-08-16 16:
41:05

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 07 năm 2023.

Trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ và thương mại hàng hải.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Trần Tuấn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Trần Hồng Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Đặng Hồng Trường	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Nguyễn Thế Tiệp	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Vũ Phước Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/05/2024
Bà Nguyễn Bích Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2024

Ban Kiểm soát

Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Hoàng Việt	Trưởng ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Nguyễn Sơn Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2024

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Tú	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	Bổ nhiệm ngày 02/05/2024
Ông Vũ Phước Long	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	Miễn nhiệm ngày 02/05/2024
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trường phòng Tài chính kế toán của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và cho đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Đỗ Tiến Đức - Chủ tịch HĐQT.

Theo Quyết định số 86/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 22/05/2024, Ông Nguyễn Đình Tú thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Giám đốc điều hành từ ngày 22/05/2024 đến ngày 30/06/2024 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 kèm theo, ngoại trừ sự kiện đã được nêu tại Thuyết minh số 40.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đình Lưu

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2024

Số: 93/2024/UHYHCM - BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) được lập ngày 16 tháng 08 năm 2024, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Minh Hùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số: 0294-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		547.859.927.401
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	226.372.134.006
Tiền	111		165.572.134.006
Các khoản tương đương tiền	112		60.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	26.220.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		26.220.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		277.979.641.235
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	179.057.800.848
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	37.729.212.699
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	61.414.635.777
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(222.008.089)
Tài sản ngắn hạn khác	150		17.288.152.160
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	3.534.190.992
Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.644.478.358
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	109.482.810
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		137.164.982.875
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.552.962.325
Phải thu dài hạn khác	216	10	2.552.962.325
Tài sản cố định	220		59.930.706.546
Tài sản cố định hữu hình	221	13	41.526.914.460
- Nguyên giá	222		158.942.029.457
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.415.114.997)
Tài sản cố định vô hình	227	14	18.403.792.086
- Nguyên giá	228		23.403.521.024
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.999.728.938)
Bất động sản đầu tư	230	15	15.776.758.449
- Nguyên giá	231		74.746.984.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(58.970.225.907)
Tài sản dở dang dài hạn	240		204.141.667
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	204.141.667
Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	4.522.264.889
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.328.161.225
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		2.194.103.664
Tài sản dài hạn khác	260		54.178.148.999
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	54.148.079.104
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		30.069.895
Lợi thế thương mại	269		-
TỔNG TÀI SẢN	270		685.024.910.276

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2024
			VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		304.848.597.775
Nợ ngắn hạn	310		303.137.109.891
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	94.685.417.699
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	34.342.538.687
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	8.048.559.592
Phải trả người lao động	314		15.790.360.976
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	5.452.699.187
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.256.376.880
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	132.033.265.093
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	10.527.891.777
Nợ dài hạn	330		1.711.487.884
Phải trả dài hạn khác	337	22	1.711.487.884
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		380.176.312.501
Vốn chủ sở hữu	410	24	380.176.312.501
Vốn góp của chủ sở hữu	411		140.964.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		140.964.860.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		165.913.555.864
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.297.896.637
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		59.101.491.170
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.196.405.467
TỔNG NGUỒN VỐN	440		685.024.910.276

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Nguyễn Thị Phương Lan

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nguyễn Đình Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Từ 01/01/2024
	số	minh	đến 30/06/2024
			VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	513.115.578.483
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26	513.115.578.483
Giá vốn hàng bán	11	27	469.514.826.104
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.600.752.379
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	8.359.355.318
Chi phí tài chính	22	29	1.023.375.356
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-
Chi phí bán hàng	25		-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	33.310.095.072
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.626.637.269
Thu nhập khác	31	31	409.136.550
Chi phí khác	32	32	250.455.761
Lợi nhuận khác	40		158.680.789
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.785.318.058
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	3.618.982.486
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	(30.069.895)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.196.405.467
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		14.196.405.467
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.007
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	36	1.007

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Nguyễn Thị Phương Lan

Nguyễn Thị Thanh Thủy



Nguyễn Đình Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01		17.785.318.058
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.155.660.623
(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc	04		(573.855.864)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(2.164.162.382)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.202.960.435
(Tăng) các khoản phải thu	09		(18.782.585.602)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		43.727.089.599
Giảm chi phí trả trước	12		1.296.725.574
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.159.195.286)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.200.086.424)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37.084.908.296
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(599.400.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		68.518.519
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.054.739.378
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.523.857.897
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		38.608.766.193
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6	187.193.875.213
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		569.492.600
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6	226.372.134.006

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Nguyễn Thị Phương Lan

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nguyễn Đình Tú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ Phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 07 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 là 140.964.860.000 đồng, được chia thành 14.096.486 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30/06/2024 là 492 người.

Ngày 22 tháng 12 năm 2015, cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: VSA.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại hàng hải.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi và bán hàng hóa.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG KỲ CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi, bán hàng hóa.

Cuối năm 2023 Công ty đã thành lập 02 Công ty con sở hữu 100% trên cơ sở chuyển đổi hoạt động của hai Chi nhánh trực thuộc như đã trình bày tại thuyết minh số 1.6 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, từ ngày 01/01/2024 trở đi, toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh của 02 chi nhánh này đã được chuyển qua 02 Công ty TNHH độc lập hạch toán riêng. Đến ngày 30/06/2024, hai Chi nhánh vẫn đang tiếp tục xử lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả cũng như hoàn thành việc bàn giao tài sản về Công ty mẹ để tiến tới đóng mã số thuế của hai chi nhánh trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Cụ thể:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải (CN Vitamas)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý Vận tải quốc tế phía Bắc	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu hàng hải và môi giới thuê tàu; Giao nhận, vận tải hàng công trình; Giao nhận; vận tải biển
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Phương Đông	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải, Kiểm đếm hàng rời, hàng công. Đại lý vận tải đường hàng không, đường biển
7	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu
8	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Nha Trang	Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
9	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
10	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Bến Thủy	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu
11	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
12	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Đại lý giao nhận vận tải: Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Dịch vụ kho bãi và phân phối
13	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Đại lý giao nhận vận tải: Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Dịch vụ kho bãi và phân phối
14	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Cần Thơ (*)	Thành phố Cần Thơ	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
15	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý dịch vụ hàng hải và thương mại (Samtra) (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)

(*) Các Chi nhánh này hiện đang tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết chi tiết như sau:

Thông tin bổ sung về Công ty con, Công ty liên kết	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính	Tại 30/06/2024	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
<u>a. Công ty con</u>				
+ Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc (1)	Số 25 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; Vận tải Container bằng đường bộ	100%	100%
+ Công ty TNHH Vitamas (2)	44 - 46 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP HCM, Việt Nam.	Đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi, bán hàng hóa.	100%	100%
<u>b. Công ty liên kết</u>				
+ Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Phòng 604, Saigon Riverside Center, số 2A-4A Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ô tô: hoạt động tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin đến vận chuyển và lưu kho hàng hóa	20%	20%

- (1) Căn cứ theo Quyết định số 259/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 21/11/2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc trên cơ sở chấm dứt và chuyển đổi mô hình hoạt động từ chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty - Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc, tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.
- (2) Căn cứ theo Quyết định số 258/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 21/11/2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Vitamas trên cơ sở chấm dứt và chuyển đổi mô hình hoạt động từ chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty - Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng hải (Vitamas), tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"). Theo đó, Tập đoàn không trình bày số liệu so sánh. Một số khoản mục thuyết minh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

4.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5.2 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết.

5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 44
Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Quyền sử dụng đất	33 - 50
Phần mềm vi tính	03 - 05

5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính đối với nhóm tài sản Nhà cửa, vật kiến trúc là 05 - 20 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**5.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

5.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.10 LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Lợi thể thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh khi mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thể thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thể thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Công ty mẹ trong giá trị thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thể thương mại phát sinh khi mua lại khoản đầu tư vào công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Lợi thể thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không phân bổ dần khoản lợi thể thương mại này.

5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

Đối với việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hoá bất động sản:

- Công ty trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu (được xác định theo diện tích).

5.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

5.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, các khoản phí giao dịch mua bán chứng khoán kinh doanh và các khoản lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty trong kỳ bao gồm: Đại lý vận tải, đại lý tàu, kinh doanh kho bãi, đại lý liner, kiểm kiện hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ liên quan đến hàng hải, logistics.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam do đó không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận, lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp, tài sản, nợ phải trả.

5.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Tập đoàn là Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần, các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần, các Công ty liên kết do Tập đoàn đầu tư có ảnh hưởng đáng kể, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú,

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024

đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 30/06/2024
	VND
Tiền mặt	762.624.753
Tiền gửi ngân hàng	164.809.509.253
Các khoản tương đương tiền (*)	60.800.000.000
Cộng	<u>226.372.134.006</u>

(*) Là các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 1,70% - 2,40%/năm.

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP. HCM (*)	26.220.000.000	26.220.000.000	-
Cộng	<u>26.220.000.000</u>	<u>26.220.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 3,38% - 4,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	179.057.800.848	(125.410.683)
- Công ty Cổ phần Than cảng Sài Gòn	53.219.539.936	-
- Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	15.385.077.191	-
- Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	13.187.720.498	-
- Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	5.305.508.239	-
- Công ty Cổ phần Hyundai Aluminum Vina	6.548.527.950	-
- Công ty Cổ phần Alk Vina	3.195.768.409	-
- Công ty TNHH KD Sports Việt Nam	3.497.736.475	-
- Sripurna Incorporated Pte Ltd	1.049.943.223	-
- Phải thu khách hàng khác	77.667.978.927	(125.410.683)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	1.912.851.027	(125.410.683)
- Công ty Vận tải biển VIMC	1.659.477.414	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	(125.410.683)
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	75.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	35.441.280	-
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	12.960.000	-
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	4.561.650	-
Cộng	179.057.800.848	(125.410.683)

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	37.729.212.699	-
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	17.654.100.695	-
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực III	3.905.554.581	-
- Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	1.500.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	14.669.557.423	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	3.415.186.561	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	3.415.186.561	-
Cộng	37.729.212.699	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/06/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	61.414.635.777	(96.597.406)
- Phải thu KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	19.994.386	-
- Tạm ứng	3.890.253.749	-
- Ký cược, ký quỹ	8.205.225.408	-
- Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	36.920.762.829	(96.597.406)
- Phải thu tiền cược cont	1.980.000.000	-
- Các khoản chi hộ đại lý vận tải	806.007.643	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác (*)	1.500.000.000	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	418.683.815	-
- Phải thu khác	7.673.707.947	-
Dài hạn	2.552.962.325	-
- Ký cược, ký quỹ	2.552.962.325	-
Cộng	63.967.598.102	(96.597.406)

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Cảng và Năng lượng Bình Dương theo Hợp đồng hợp tác tìm kiếm quỹ đất để kinh doanh vỏ Container và khai thác ICD thiết lập chuỗi dịch vụ Logistics khép kín số 01/VOSA-CNLBD/2022 ngày 20/12/2022, với nội dung hợp đồng như sau:

Phương thức góp vốn: tổng số vốn góp là 30 tỷ VND, trong đó Công ty góp 50%, Công ty Cổ phần Cảng và Năng lượng Bình Dương góp 50%. Ngay sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty sẽ thực hiện chuyển số tiền 1,5 tỷ đồng về tài khoản do hai Bên đồng ý chỉ định để thực hiện các bước tìm kiếm thuê đất;

Hiệu quả đầu tư: Các bên quyết định hợp tác theo từng bước, theo định hướng hai Bên sẽ tìm kiếm quỹ đất trong khu vực Miền Nam để thuê làm ICD và cùng nhau khai thác cho mục đích vận chuyển hàng hóa của 2 bên, cùng nhau kinh doanh, khai thác vỏ Container. Lợi nhuận của việc hợp tác được phân chia theo tỷ lệ góp vốn và thỏa thuận của hai Bên khi đã thực hiện thuê được quỹ đất;

Phân chia lợi nhuận: Các bên cùng nhau khai thác và được chia lợi nhuận kinh doanh theo đúng tỷ lệ vốn đã góp;

Hiện tại đến thời điểm 30/06/2024: Công ty đã góp được 1,5 tỷ đồng vào dự án, hiện tại các Bên đang nghiên cứu thị trường, chủng loại hàng hoá cũng như nghiên cứu giá thành và nhu cầu vỏ container trên thị trường nhằm tìm được quỹ đất phù hợp ngay từ thời điểm hai Bên đã góp đủ tiền và tối đa trong 36 tháng hai Bên sẽ hợp lại để quyết định thời hạn hợp tác sau đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

11. NỢ XẤU

	Tại 30/06/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	222.008.089	(222.008.089)	-
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	(125.410.683)	-
Shipping Corporation of India	96.597.406	(96.597.406)	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2024
	VND
Ngắn hạn	3.534.190.992
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	45.884.046
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.488.306.946
Dài hạn	54.148.079.104
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	137.219.174
- Tiền thuê đất trả trước (*)	53.724.103.493
- Chi phí sửa chữa tài sản	234.786.378
- Chi phí trả trước dài hạn khác	51.970.059
Cộng	57.682.270.096

(*) Là các khoản tiền thuê đất Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê của các lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hải Phòng.

Trong đó chủ yếu là khoản trả trước tiền thuê đất một lần tại số 25 phố Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng cho thời hạn thuê 50 năm (từ ngày 24/06/2016 đến ngày 24/06/2066). Công ty đã hoàn tất các thủ tục và đã được nhà nước cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" vào ngày 17/05/2017 với giá trị ghi nhận ban đầu của quyền sử dụng đất là 60.896.981.000 đồng. Giá trị còn lại chưa phân bổ tại ngày 30/06/2024 là 51.457.948.970 đồng (số liệu ghi nhận tại ngày 01/01/2024 là 52.066.918.778 đồng, tiền thuê đất trả trước phân bổ trong kỳ là 608.969.808 đồng). Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2024 (*)	97.692.012.106	55.677.899.455	6.020.396.671	159.390.308.232
- Thanh lý, nhượng bán	(448.278.775)	-	-	(448.278.775)
Tại 31/12/2024	<u>97.243.733.331</u>	<u>55.677.899.455</u>	<u>6.020.396.671</u>	<u>158.942.029.457</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2024 (*)	(66.686.699.252)	(42.840.239.354)	(5.453.459.285)	(114.980.397.891)
- Khấu hao trong kỳ	(1.108.836.924)	(1.649.609.397)	(124.549.560)	(2.882.995.881)
- Thanh lý, nhượng bán	448.278.775	-	-	448.278.775
Tại 31/12/2024	<u>(67.347.257.401)</u>	<u>(44.489.848.751)</u>	<u>(5.578.008.845)</u>	<u>(117.415.114.997)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2024 (*)	<u>31.005.312.854</u>	<u>12.837.660.101</u>	<u>566.937.386</u>	<u>44.409.910.341</u>
Tại 31/12/2024	<u>29.896.475.930</u>	<u>11.188.050.704</u>	<u>442.387.826</u>	<u>41.526.914.460</u>

(*) Số liệu trình bày tại ngày 01/01/2024 được lấy từ số liệu thuyết minh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 59.577.192.105 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 71.834.876.944 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2024 (*)	18.659.091.724	4.145.029.300	22.804.121.024
- Mua trong kỳ	-	599.400.000	599.400.000
Tại 30/06/2024	<u>18.659.091.724</u>	<u>4.744.429.300</u>	<u>23.403.521.024</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2024 (*)	(2.133.018.407)	(2.546.573.445)	(4.679.591.852)
- Khấu hao trong kỳ	(94.925.424)	(225.211.662)	(320.137.086)
Tại 30/06/2024	<u>(2.227.943.831)</u>	<u>(2.771.785.107)</u>	<u>(4.999.728.938)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2024 (*)	<u>16.526.073.317</u>	<u>1.598.455.855</u>	<u>18.124.529.172</u>
Tại 30/06/2024	<u>16.431.147.893</u>	<u>1.972.644.193</u>	<u>18.403.792.086</u>

(*) Số liệu trình bày tại ngày 01/01/2024 được lấy từ số liệu thuyết minh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 2.034.579.300 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 2.826.939.300 đồng).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2024 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại 01/01/2024 (*) VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	74.746.984.356	-	-	74.746.984.356
- Nhà cửa vật kiến trúc	74.746.984.356	-	-	74.746.984.356
Giá trị hao mòn lũy kế	58.970.225.907	1.952.527.656	-	57.017.698.251
- Nhà cửa vật kiến trúc	58.970.225.907	1.952.527.656	-	57.017.698.251
Giá trị còn lại	15.776.758.449	(1.952.527.656)	-	17.729.286.105
- Nhà cửa vật kiến trúc	15.776.758.449	(1.952.527.656)	-	17.729.286.105

(*) Số liệu trình bày tại ngày 01/01/2024 được lấy từ số liệu thuyết minh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Bất động sản đầu tư phản ánh Giá trị tài sản bao gồm:

+ Nhà cửa vật kiến trúc là: Nhà kho và kho bãi Quận 7, TP. Hồ Chí Minh được Công ty cho Công ty TNHH MTV TT Land thuê theo Hợp đồng thuê kho bãi số 01/HĐKB ngày 30/05/2022 và Phụ lục số 01/PLHD/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

+ Quyền sử dụng đất là: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được Công ty cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Container Phú Mỹ thuê theo Hợp đồng nguyên tắc ngày 27/03/2023.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	<u>Tại 30/06/2024</u>
	<u>VND</u>
Chi phí xây dựng tường rào kho bãi 222 Đồng Đa	181.414.394
Chi phí khác	22.727.273
Cộng	<u>204.141.667</u>

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>Tại 30/06/2024</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ theo</u>
	<u>VND</u>	<u>phương pháp vốn chủ</u>
		<u>VND</u>
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	7.248.600.000	2.328.161.225
Cộng	<u>7.248.600.000</u>	<u>2.328.161.225</u>

	<u>Tại 30/06/2024</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý (*)</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.194.103.664	2.194.103.664	
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	500.000.000	500.000.000	
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (1)	1.072.836.000	1.072.836.000	
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam (2)	63.746.040	63.746.040	
- Công ty Liên doanh Bông Sen (3)	557.521.624	557.521.624	-
Cộng	<u>2.194.103.664</u>	<u>2.194.103.664</u>	-

(*) Tại ngày 30/06/2024, Công ty không tiến hành đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác do chưa có đầy đủ cơ sở để đánh giá. Vì vậy, Công ty trình bày giá trị hợp lý bằng giá gốc của khoản đầu tư.

(1) Ngày 01/04/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000 USD. Trong đó, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51% tương đương 51.000 USD. Phần lợi nhuận của liên doanh hàng năm vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của hai bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Theo hợp đồng liên doanh được ký kết với Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd vào ngày 10/09/2013, VOSA sẽ trao cho Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd quyền được quản lý, kiểm soát Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam đổi lại VOSA sẽ nhận được khoản phí quản lý cố định hàng năm là 40.000 USD từ Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd.

(2) Ngày 26/03/2014, theo hợp đồng liên doanh được ký kết với Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd vào ngày 10/09/2013, VOSA sẽ trao cho Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd quyền được quản lý, kiểm soát Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam đổi lại VOSA sẽ nhận được khoản phí quản lý cố định hàng năm là 40.000 USD từ Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd.

(3) Được thành lập năm 1991, Công ty Liên doanh Bông sen (Cảng LOTUS) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETTRANS, VOSA, và đối tác nước ngoài BLASCO - Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp ban đầu là 23.705 USD với tỷ lệ góp vốn là 0,27%. Hằng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh và giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư. Số tiền lãi VOSA thực nhận hằng năm không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

Thông tin bổ sung về Công ty con, Công ty liên kết	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ tại 30/06/2024 (VND)	Vốn thực góp tại 30/06/2024 (VND)	Tại 30/06/2024	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
<u>a. Công ty con</u>					
+ Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc	Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; Vận tải Container bằng đường bộ	35.000.000.000	35.000.000.000	100%	100%
+ Công ty TNHH Vitamas	Đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi, bán hàng hóa.	25.000.000.000	25.000.000.000	100%	100%
<u>b. Công ty liên kết</u>					
+ Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ô tô: hoạt động tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin đến vận chuyển và lưu kho hàng hóa	36.243.000.000	36.243.000.000	20%	20%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	94.685.417.699	94.685.417.699
- Công ty TNHH Thăng Lá	4.790.661.453	4.790.661.453
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiến Bộ	5.243.022.600	5.243.022.600
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thủy Hoàng Anh	4.507.382.096	4.507.382.096
- Euro Pac Logistics Pte., Ltd	3.840.795.505	3.840.795.505
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Logistics Hải Long	1.160.780.151	1.160.780.151
- Công ty TNHH Thương mại Vận Đạt Thái Bình	1.741.629.600	1.741.629.600
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Tân Trường	1.514.409.400	1.514.409.400
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Phúc Minh Phát	1.450.926.000	1.450.926.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hải Bình	1.555.848.000	1.555.848.000
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.553.061.637	1.553.061.637
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cầu cảng Đa Phúc	2.244.204.759	2.244.204.759
- Công ty TNHH Vn Anlogs	5.574.246.561	5.574.246.561
- Phải trả người bán khác	59.508.449.937	59.508.449.937
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	2.534.171.734	2.534.171.734
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	58.242.380	58.242.380
- Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu	325.682.791	325.682.791
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	46.335.180	46.335.180
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	7.568.170	7.568.170
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	32.933.736	32.933.736
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	2.063.409.477	2.063.409.477

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	34.342.538.687	34.342.538.687
- Thong Yi Trading	3.267.994.135	3.267.994.135
- Hachiuma Steamship Co., Ltd	880.292.859	880.292.859
- Cargill International S.A	-	-
- Gio Shipping Co., Ltd	278.744.483	278.744.483
- Khách hàng khác	29.915.507.210	29.915.507.210
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2024		Số phát sinh trong kỳ		Tại 01/01/2024 (*)	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước	109.482.810	8.048.559.592	26.272.559.082	31.191.960.290	85.827.068	12.944.305.058
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	1.112.270.272	5.596.051.144	5.499.135.712	-	1.015.354.840
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.120.370.382	3.618.982.486	6.159.195.286	-	4.660.583.182
- Thuế thu nhập cá nhân	109.482.810	262.178.890	1.622.228.498	1.728.062.013	84.366.336	342.895.931
- Các khoản lệ phí, phạt thuế	-	-	121.690.516	162.859.203	-	41.168.687
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	765.742.760	2.981.440.419	2.800.137.948	-	584.440.289
- Các loại thuế khác	-	3.787.997.288	12.332.166.019	14.842.570.128	1.460.732	6.299.862.129
+ Các loại thuế khác	-	412.948.925	1.801.820.176	1.388.871.251	-	-
+ Thuế GTGT, TNDN của Nhà thầu nước ngoài	-	3.375.048.363	10.530.345.843	13.453.698.877	1.460.732	6.299.862.129
Cộng	109.482.810	8.048.559.592	26.272.559.082	31.191.960.290	85.827.068	12.944.305.058

(*) Số liệu trình bày tại ngày 01/01/2024 được lấy từ số liệu thuyết minh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2024
	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	
- Trích trước giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.715.972.511
- Trích trước chi phí thuê đất	33.500.000
- Các khoản trích trước khác	1.703.226.676
Cộng	5.452.699.187

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 30/06/2024
	VND
Ngắn hạn	132.033.265.093
- Kinh phí công đoàn, các khoản BHXH	915.706.300
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	479.503.335
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	7.362.231.000
- Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	60.559.089.492
+ <i>Sinotrans Container Lines Co.Ltd</i>	23.146.028.761
+ <i>Grand China Shipping Co., Ltd.</i>	1.328.360.089
+ <i>Qingdao Dongji Shipping Co., Ltd</i>	3.654.359.623
+ <i>Nippon Yusen Kabushiki Kaisha</i>	1.283.538.019
+ <i>Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải KV I</i>	1.701.486.680
+ <i>CTS Shipping Co.,Ltd</i>	651.926.547
+ <i>Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh</i>	1.250.645.588
+ <i>Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu</i>	810.010.578
+ <i>Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng</i>	2.834.100.762
+ <i>Các đối tượng khác</i>	23.898.632.845
- Tiền ký ngân của các hãng tàu	26.038.874.056
- Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam (*)	3.737.387.440
- Chênh lệch thuế nhà thầu chuyển sang	3.727.848.513
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.212.624.957
Dài hạn	1.711.487.884
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.711.487.884
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-
Cộng	133.744.752.977

(*) Là khoản Công ty nhận ký quỹ để đảm bảo thực hiện các dịch vụ liên quan đến đại lý tàu. Công ty TNHH SYMS Việt Nam đã tạm dừng hoạt động/hoặc đã ngừng hoạt động.

23. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Từ 01/01/2024
	đến 30/06/2024
	VND
Số đầu năm	7.626.481.186
- Tăng trong kỳ	6.101.497.015
- Chi quỹ trong kỳ	(3.200.086.424)
Số cuối kỳ	10.527.891.777

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****24.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2024 (*)	140.964.860.000	157.223.257.335	73.893.286.714	-	372.081.404.049
- Lãi trong kỳ	-	-	14.196.405.467	-	14.196.405.467
- Phân phối lợi nhuận (**)	-	8.690.298.529	(14.791.795.544)	-	(6.101.497.015)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	8.690.298.529	(8.690.298.529)	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.790.297.015)	-	(5.790.297.015)
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(311.200.000)	-	(311.200.000)
Tại 30/06/2024	140.964.860.000	165.913.555.864	73.297.896.637	-	380.176.312.501

(*) Số liệu trình bày tại ngày 01/01/2024 được lấy từ số liệu thuyết minh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ/ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2024, Công ty tạm phân phối lợi nhuận cho phân trích các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành như đã nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

24.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	Tại 30/06/2024	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	51,05%	71.968.380.000
Các cổ đông khác	48,95%	68.996.480.000
Cộng	100%	140.964.860.000

24.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu năm	140.964.860.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối kỳ	140.964.860.000
Cổ tức đã chia	-
Cổ tức đã chia bằng cổ phiếu	-

24.4 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.096.486
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.096.486
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	14.096.486
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.096.486
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	14.096.486
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000

24.5 CÁC QUỸ

	Tại 30/06/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	165.913.555.864
Cộng	165.913.555.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

25. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 30/06/2024
	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại	
Đô la Mỹ (USD)	3.935.227,78
Đồng Rúp Nga (RUB)	3.637.231,00

26. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2024
	đến 30/06/2024
	VND
a. Tổng Doanh thu	513.115.578.483
- Doanh thu đại lý vận tải	296.620.899.327
- Doanh thu kinh doanh kho bãi	55.905.126.449
- Doanh thu đại lý tàu	31.810.339.206
- Doanh thu đại lý Liner	18.198.302.470
- Doanh thu kiểm kiện	11.255.081.631
- Doanh thu bán hàng hóa	56.875.605.010
- Doanh thu dịch vụ khác	42.450.224.390
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	-
c. Doanh thu thuần	513.115.578.483
d. Doanh thu với các bên liên quan	2.486.182.923
- Công ty Vận tải Biển VIMC	1.473.574.952
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	194.444.460
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	117.996.000
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	5.586.250
- Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	678.945.150
- Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	15.636.111

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2024
	đến 30/06/2024
	VND
Giá vốn đại lý vận tải	286.438.401.297
Giá vốn kinh doanh kho bãi	52.419.263.409
Giá vốn đại lý tàu	19.911.966.598
Giá vốn đại lý Liner	10.917.328.195
Giá vốn kiểm kiện	5.410.859.406
Giá vốn bán hàng hóa	56.120.919.407
Giá vốn dịch vụ khác	38.296.087.792
Cộng	469.514.826.104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.858.419.163
Cổ tức, lợi nhuận được chia	237.224.700
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.444.323.742
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	719.387.713
Doanh thu hoạt động tài chính khác	100.000.000
Cộng	8.359.355.318

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	877.761.157
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	145.531.849
Chi phí tài chính khác	82.350
Cộng	1.023.375.356

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.310.095.072
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	277.379.650
- Chi phí nhân viên quản lý	19.702.193.805
- Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng	1.412.472.670
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.159.174.573
- Thuế, phí và lệ phí	960.350.226
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.708.538.562
- Chi phí bằng tiền khác	6.089.985.586
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-

31. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	68.518.519
Tiền phạt thu được	318.651.449
Thu nhập khác	21.966.582
Cộng	409.136.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***32. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Các khoản bị phạt	230.621.305
Các khoản chi phí khác	19.834.456
Cộng	250.455.761

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.785.318.058
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	309.594.378
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	1.524.315.892
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	(1.214.721.514)
Tổng thu nhập tính thuế trong kỳ	18.094.912.436
Thu nhập tính thuế với thuế suất 20%	18.094.912.436
Cộng thuế TNDN hiện hành	3.618.982.486

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(30.069.895)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(30.069.895)

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	14.196.405.467
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	14.096.486
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.007

(*) Tại ngày 30/06/2024, Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ này là số tạm tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

36. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

37. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.808.751.329
Chi phí nhân công	55.438.115.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.155.660.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	362.762.118.848
Chi phí bằng tiền khác	18.539.355.324
Cộng	<u><u>446.704.001.769</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***38. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Đại lý vận tải	Đại lý tàu	Kinh doanh kho bãi	Đại lý liner	Kiểm kiện	Bán hàng hóa	Dịch vụ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	296.620.899.327	31.810.339.206	55.905.126.449	18.198.302.470	11.255.081.631	56.875.605.010	42.450.224.390	513.115.578.483
Giá vốn bộ phận	(286.438.401.297)	(19.911.966.598)	(52.419.263.409)	(10.917.328.195)	(5.410.859.406)	(56.120.919.407)	(38.296.087.792)	(469.514.826.104)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.182.498.030	11.898.372.608	3.485.863.040	7.280.974.275	5.844.222.225	754.685.603	4.154.136.598	43.600.752.379
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								(33.310.095.072)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								10.290.657.307
Doanh thu hoạt động tài chính								8.359.355.318
Chi phí tài chính								(1.023.375.356)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết								-
Thu nhập khác								409.136.550
Chi phí khác								(250.455.761)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								(3.618.982.486)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								30.069.895
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp								14.196.405.467
Tổng Tài sản								685.024.910.276
Tổng Nợ phải trả								304.848.597.775

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

39. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Mua/Sử dụng hàng hóa, dịch vụ	
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	60.185.532
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	282.395.400
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	563.726.490
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	49.378.224
- Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	1.600.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	2.900.420
- Công Cổ Phần Lai Dất Và Vận Tải Cảng Hải Phòng	29.273.530
Doanh thu hoạt động tài chính	
- Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd	237.224.700
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Ông Đỗ Tiến Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	132.873.875
- Ông Vũ Phước Long - Thành viên Hội đồng Quản trị	471.885.148
- Ông Trần Tuấn Hải - Thành viên Hội đồng Quản trị	70.045.250
- Ông Nguyễn Đức Thiện - Thành viên Hội đồng Quản trị	87.663.650
- Ông Trần Hồng Quang - Thành viên Hội đồng Quản trị	66.454.850
- Bà Nguyễn Bích Thảo - Thành viên Hội đồng Quản trị	245.336.253
- Ông Nguyễn Thế Tiếp - Thành viên Hội đồng Quản trị	66.454.850
- Ông Nguyễn Đình Tú - Phó Tổng Giám đốc	577.033.878
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Phó Tổng Giám đốc	443.913.850
- Ông Hoàng Việt - Trưởng Ban Kiểm soát	57.921.250
- Ông Nguyễn Hồng Hải - Thành viên Ban Kiểm soát	65.457.250
- Ông Đặng Hồng Trường - Thành viên Ban Kiểm soát	20.864.000
- Bà Dương Thị Hồng Hạnh - Trưởng Ban Kiểm soát	22.360.000
- Ông Nguyễn Sơn Hà - Thành viên Ban Kiểm soát	18.116.000
Cộng	<u>2.399.139.354</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

39. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan	Tại 30/06/2024
	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	
- Công ty Vận tải Biển VIMC	1.659.477.414
- Công ty Cổ phần Vinaline Nha Trang	125.410.683
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	75.000.000
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	12.960.000
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	4.561.650
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	35.441.280
Trả trước cho người bán	
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	3.415.186.561
Phải thu khác	
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	357.798.600
- Công ty Vận tải Biển VIMC	852.488.068
Phải trả người bán ngắn hạn	
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	58.242.380
- Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu	325.682.791
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	46.335.180
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	7.568.170
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	32.933.736
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	2.063.409.477
Phải trả khác	
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	3.577.185.362
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	1.265.640.445
- Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	195.455.237
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Xí nghiệp Lai dất Tàu biển	25.970.220
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	908.852.441
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	680.946.891
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	101.520
- Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng	504.706.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

40. THÔNG TIN KHÁC**40.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, vị trí khu đất được xác định theo bản đồ số 10547-1/GD-ĐCND tỷ lệ 1/2000 do Sở địa chính - Nhà đất duyệt ngày 02/12/1999 để sử dụng với mục đích đầu tư xây dựng kho bãi và sửa chữa container từ năm 2000 đến năm 2050, diện tích khu đất thuê là 10.000 m². Công ty thực hiện trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định tại Hợp đồng thuê đất với Sở Địa chính - Nhà đất Tp.HCM.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ số 25, đường Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng để sử dụng làm văn phòng và cung cấp các dịch vụ khác từ năm 2016 đến năm 2066. Diện tích khu đất thuê là 2.668,3 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt Chi nhánh để sử dụng với mục đích làm văn phòng Chi nhánh, kho bãi, cung cấp dịch vụ với thời hạn thuê từ 02 năm đến 50 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

40.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1.5 phần thuyết minh báo cáo tài chính, đến ngày 30/06/2024, 02 Chi nhánh vẫn đang tiếp tục xử lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả cũng như hoàn thành việc bàn giao tài sản về Công ty mẹ để tiến tới đóng mã số thuế của 02 chi nhánh trong thời gian tới.

Ngoài sự kiện nêu trên, Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện nào khác phát sinh có ảnh hưởng trọng yếu đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Tập đoàn.

40.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

40. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

40.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

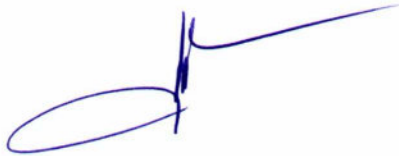
Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con. Theo đó, Tập đoàn không trình bày số liệu so sánh. Một số khoản mục thuyết minh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2024

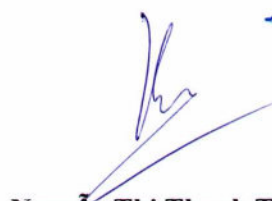
Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Nguyễn Thị Phương Lan



Nguyễn Thị Thanh Thủy



Nguyễn Đình Tú

